

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 06/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và ông Nguyễn Trường Sơn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX tham gia phiên tòa:* Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/HS-ST ngày 09/04/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 22/4/2021, đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị T G (Tên gọi khác: H) - sinh ngày: 29/10/1982, tại thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam; Trú tại: thôn ĐY, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông Phạm Văn Tự và bà Lê Thị L, trú tại: KP CH, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, có chồng nhưng đã ly hôn và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Ngọc A - sinh ngày: 02/11/1984, tại NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam; Trú tại: LX1, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông Nguyễn Kim Danh và bà Nguyễn Thị Hồng. Trú tại: LX1, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất, có chồng đã ly hôn, có 02 con trong đó có 01 con bị khuyết tật trí tuệ bẩm sinh.

Bị cáo chấp hành án theo bản án số 19/2019/HSST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện DX từ ngày 17/3/2020 đến ngày 07/02/2021 được chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù là 12 tháng, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trường mẫu giáo DT. Do bà Phạm Thị N- chức vụ hiệu trưởng đại diện theo pháp luật, có mặt.

- N hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Do ông Lê Văn Tú Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh C nhA huyện DX, Quảng Nam đại diện theo ủy quyền, có mặt.

- N hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Do ông Nguyễn Đức Lý – Trưởng phòng giao dịch Nam Phước đại diện, có mặt.

- N hàng TMCP Đông Á. Do ông Hồ Công Lưỡng – Giám đốc phòng giao dịch DX đại diện, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị Hồng G, sn 1978; địa chỉ: thôn Kiệu Châu, xã Duy Sơn, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt

- Bà Phạm Thị Kim C, sn 1965; địa chỉ: thôn Côm Sơn, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt

- Bà Nguyễn Thị D, sn 1984; địa chỉ: thôn Côm Sơn, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt

- Bà Đinh Thị H, sn 1993; địa chỉ: thôn Kiệu Châu, xã Duy Sơn, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt

- Bà Nguyễn Thị Hoài T, sn 1987; địa chỉ: KP Phước Mỹ 2, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sn 1985; địa chỉ: thôn Xuyên Đông 1, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Bà Phạm Bùi Hợp K, sn 1987; địa chỉ: thôn ĐY, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bà Đặng Thị L, sn 1968; địa chỉ: thôn ĐY, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt

- Bà Trịnh Minh D1, sn 1987; địa chỉ: thôn Chiêm Sơn, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt

- Bà Nguyễn Thị Hương B, sn 1988; địa chỉ: KP Long Xuyên 3, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt..

- Bà Nguyễn Thị Hoài L1, sn 1994; địa chỉ: thôn Chiêm Sơn, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bà Nguyễn Thục M, sn 1983; địa chỉ: KP Bình An, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Đặng Thị Ái P, sn 1983; địa chỉ: LX1, NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Bà Ngô Thị Nguyễn H1, sn 1989; địa chỉ: xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T G công tác tại trường Mẫu giáo DT với chức vụ nhân viên kế toán. Quá trình làm việc tại trường, G đã nhiều lần vay tín chấp tại N hàng và biết được hồ sơ vay tín chấp rất đơn giản, chỉ cần có chữ ký xác nhận của người đứng đầu đơn vị có đóng dấu đỏ là có thể làm vay được tiền. Do có nhu cầu vay vốn nhưng đã làm thủ tục vay nhiều lần nên G lo sợ bà N – hiệu trưởng sẽ không tiếp tục ký để G vay tiền nên G nảy sinh ý định giả chữ ký của bà N để làm thủ tục vay tín chấp. Tháng 8/2012, G làm giả hồ sơ để vay tín chấp tại N hàng Đông Á (Phòng giao dịch DX) bằng cách đồ lại chữ ký thật của bà N vào trong các mục cần có chữ ký xác nhận của lãnh đạo cơ quan, sau đó lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý con dấu của nhà trường, G lấy con dấu của trường đóng vào phần xác nhận của cơ quan. Việc giả mạo trót lọt, G lừa dối được nhân viên tín dụng của Ngân hàng và vay được số tiền 30.000.000 đồng tại hồ sơ vay ngày 23/8/2012.

Đến tháng 4/2013, G tiếp tục có nhu cầu vay tiền tại Ngân hàng Đông Á nhưng do T nhập của G không đáp ứng đủ điều kiện vay nên G nghĩ cách làm giả bảng lương, làm giả danh sách nhận tiền kiêm nhiệm bán trú, kiêm nhiệm công đoàn nhằm nâng T nhập để đủ điều kiện được vay vốn bằng cách sửa lại mức lương và mức nhận tiền kiêm nhiệm của mình lên cao hơn so với thực tế sau đó in ra rồi giả chữ ký bà N, giả chữ ký của bà Lê Thị Hồng G là Chủ tịch Công đoàn trường rồi sử dụng con dấu của trường đóng dấu vào các tài liệu giả mạo nêu trên và vay trót lọt lần hai tại Ngân hàng Đông Á với số tiền vay là 20.000.000 đồng tại hồ sơ vay ngày 26/4/2013.

Tháng 6/2013, Nguyễn Thị Ngọc A là văn thư của trường Mẫu giáo DT có tâm sự với G về việc gặp khó khăn tài chính nhưng ngại vay tiền vì sợ bà N không ký xác nhận để được vay thêm. Do thân thiết với nhau nên G kể cho A nghe việc G giả chữ ký và giả giấy tờ của nhà trường vay trót lọt hai lần tại N hàng Đông Á mà không bị phát hiện. G bảo A đến N hàng Đông Á (Phòng giao dịch DX) xin hồ sơ vay sau đó G sẽ chỉ cách cho A làm giả hồ sơ để được vay tiền. A đồng ý. A tự điền thông tin cá nhân vào trong hồ sơ theo mẫu của Ngân hàng Đông Á, còn các giấy tờ khác như bảng lương, danh sách nhận tiền trợ cấp khó khăn do G làm giả với cách thức đã nêu trên để nâng T nhập của A cao hơn so với thực tế. A ký giả chữ ký của bà N, sau đó sử dụng con dấu của nhà trường đóng vào tài liệu làm hồ sơ vay. Sau khi hoàn tất hồ sơ, A đến Ngân hàng Đông Á để giải N và được duyệt vay trót lọt 25.000.000 đồng tại hồ sơ vay ngày 21/6/2013. A cho G mượn lại 10.000.000 đồng.

Với cách thức và thủ đoạn nêu trên, G và A đã cấu kết cùng nhau làm giả nhiều hồ sơ vay vốn tại các Ngân hàng Sacombank, Đông Á, Agribank trên địa bàn huyện DX, cụ thể:

Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Quảng Nam – Phòng giao dịch DX:

- Hồ sơ do G giả mạo:
- + Hồ sơ G đứng tên vay ngày 23/8/2012, số tiền 30.000.000 đồng.
- + Hồ sơ G đứng tên vay ngày 26/4/2013, số tiền 20.000.000 đồng, giả mạo: danh sách nhận tiền kiêm nhiệm tháng 4/2013, bảng tính lương và phụ cấp 4/2013, danh sách nhận tiền kiêm nhiệm quý I/2013.
- + Hồ sơ G đứng tên vay ngày 29/4/2014, số tiền 40.000.000 đồng, giả mạo: bảng tính lương và phụ cấp tháng 4/2014, danh sách nhận tiền trợ cấp khó khăn cho Kế toán-văn thư tháng 4/2014, danh sách nhận tiền kiêm nhiệm quý I/2014
- + Hồ sơ G đứng tên vay ngày 04/11/2014, số tiền 70.000.000 đồng, giả mạo: bảng tính lương và phụ cấp tháng 9-10/2014, danh sách CB-GV-NV nhận tiền kiêm nhiệm tháng 10/2014, Danh sách nhận tiền trợ cấp khó khăn cho kế toán - văn thư Tháng 9-10 2014, Bảng thanh toán phụ cấp công đoàn 9-10/2014, sửa chữa Quyết định nâng bậc lương công chức viên chức (bản photo).
- + Hồ sơ Phạm Thị Kim C đứng tên vay ngày 17/5/2014, số tiền 70.000.000 đồng, G mượn lại 18.000.000 đồng, Anh mượn 10.000.000 đồng giả mạo bảng lương tháng 5/2015.
- Hồ sơ do A giả mạo:
- + Hồ sơ do Phạm Bùi Hợp K đứng tên vay ngày 22/7/2014, số tiền 29.000.000đ, giả mạo Bảng tính lương và phụ cấp tháng 7/2014,
- Hồ sơ do G và Anh cùng giả mạo:
- + Hồ sơ do A đứng tên vay ngày 21/6/2013, số tiền 25.000.000 đồng, G mượn 10.000.000đ, A mượn 15.000.000 đồng. A ký xác nhận giả, G giả mạo: bảng tính lương và phụ cấp tháng 6/2013, danh sách nhận tiền trợ cấp khó khăn cho kế toán văn thư tháng 6/2013.
- + Hồ sơ do A đứng tên vay ngày 27/6/2014, số tiền 20.000.000 đồng, G và A mỗi người mượn 10.000.000đ. A ký xác nhận giả, G làm giả Bảng tính lương và phụ cấp tháng 6/2014, Danh sách nhận tiền trợ cấp khó khăn cho kế toán văn thư tháng 6/2014, sửa chữa Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức hợp đồng của Anh (bản photo).
- + Hồ sơ do Nguyễn Thị D đứng tên vay ngày 06/9/2014, số tiền 30.000.000 đồng, G, A, D mỗi người 10.000.000 đồng, G giả mạo toàn bộ hồ sơ bảng tính lương và phụ cấp tháng 9/2013, bảng thanh toán phụ cấp công đoàn tháng 9/2013, Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm viên chức. A biết việc giả mạo dù không trực tiếp thực hiện nhưng có ý thức đồng ý với việc làm của G với mục đích cuối cùng là vay được tiền.

Tại Ngân hàng Sài Gòn thương tín – Phòng giao dịch Nam Phước:

- Hồ sơ do G giả mạo:
- + Hồ sơ G đứng tên vay ngày 21/12/2013, số tiền 50.000.000 đồng, G ký xác nhận giả chữ ký của Bà Phạm Thị N, Lê Thị Hồng G.
- + Hồ sơ G đứng tên vay ngày 16/01/2015, số tiền 30.000.000 đồng, G ký xác nhận giả chữ ký bà N, giả mạo bảng lương tháng 1/2015.

+ Hồ sơ Phạm Thị Kim C đứng tên vay ngày 19/4/2015, số tiền 80.000.000 đồng, G mượn 20.000.000 đồng, A mượn 10.000.000 đồng, G ký xác nhận giả chữ ký bà N, giả mạo: Bảng tính lương và phụ cấp tháng 3-4/2015,

- *Hồ sơ do A và G giả mạo:*

+ Hồ sơ do A đứng tên vay ngày 24/7/2013, số tiền 20.000.000 đồng, A ký xác nhận giả chữ ký bà N, nhờ G ký xác nhận giả chữ ký bà G.

+ Hồ sơ do A đứng tên vay ngày 02/4/2014, số tiền 40.000.000 đồng, A và G mỗi người 20,000,000đ, A ký xác nhận giả chữ ký bà N, nhờ G ký xác nhận giả chữ ký bà G

+ Hồ sơ do A đứng tên vay ngày 30/12/2014, số tiền 30.000.000 đồng, A ký xác nhận giả chữ ký bà N, sử dụng Quyết định về việc nâng bậc lương viên chức hợp đồng do G làm giả trước đây, A nhờ G làm giả Bảng tính lương và phụ cấp tháng 12/2014,

+ Hồ sơ do Đinh Thị H đứng tên vay ngày 27/5/2015, số tiền 40.000.000 đồng, G và A mỗi người 20.000.000 đồng. G ký xác nhận giả chữ ký bà N, giả mạo: Bảng tính lương và phụ cấp tháng 5/2015, sử dụng Quyết định về việc nâng bậc lương công chức viên chức (do A giả mạo để H vay vốn tín chấp trước đó). A không thực hiện hành vi nhưng biết việc giả mạo của G, có ý thức đồng tình với mục đích cuối cùng là vay được tiền.

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện DX:

- *Hồ sơ do G giả mạo:*

+ Hồ sơ G đứng tên vay có ngày vay số tiền vay tương ứng: 28/7/2014 (40.000.000 đồng), 13/4/2015 (50.000.000 đồng), 27/11/2015 (55.000.000 đồng), 25/02/2016 (80.000.000 đồng). G ký xác nhận giả chữ ký bà Phạm Thị N.

+ Hồ sơ Phạm Thị Kim C đứng tên vay ngày 12/9/2014 số tiền vay 70.000.000 đồng, G mượn 20.000.000 đồng; ngày 11/2/2015, số tiền vay 90.000.000 đồng.

- Hồ sơ do A giả mạo: Riêng hồ sơ do Trịnh Minh D1 đứng tên chỉ ký xác nhận giả chữ ký bà Phạm Thị N, còn lại tất cả hồ sơ đều do A ký xác nhận giả chữ ký bà Phạm Thị N, trừ hồ sơ do A đứng tên sử dụng Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức hợp đồng mà G làm giả cho A trong đợt vay tại N hàng Đông Á ngày 27/6/2014, còn lại A tự làm giả Quyết định về việc nâng bậc lương công chức viên chức ứng với tên từng người vay.

+ Hồ sơ A đứng tên vay có ngày vay tương ứng với số tiền vay: 01/10/2014 (50.000.000 đồng), 03/02/2015 (60,000,000 đồng), 09/12/2015 (60.000.000 đồng).

+ Hồ sơ Nguyễn Thị D đứng tên ngày vay 31/10/2014, số tiền vay 55.000.000 đồng, A mượn 25.000.000 đồng, D 30.000.000 đồng

+ Hồ sơ Đặng Thị L đứng tên vay ngày 19/01/2015, số tiền vay 40.000.000 đồng, A mượn 30.000.000 đồng, G mượn 5.000.000 đồng.

+ Hồ sơ Nguyễn Thị Hương B đứng tên vay ngày 20/5/2015, Số tiền 50.000.000 đồng.

+Hồ sơ Nguyễn Thị Hoài L1 đứng tên vay ngày 02/7/2015, số tiền 40.000.000 đồng, A và D mỗi người 20.000.000 đồng.

+ Hồ sơ Trịnh Minh D1 đứng tên vay ngày 25/8/2015 số tiền 40.000.000đ, A mượn 10.000.000 đồng, ngày 07/3/2016 số tiền 60.000.000 đồng.

+ Hồ sơ do Nguyễn Thục M đứng tên vay ngày 09/12/2015 số tiền 30.000.000 đồng, A mượn 30.000.000 đồng, đến ngày 18/12/2015, vay 50.000.000 đồng nhưng để đáo hạn hợp đồng nên trả 30.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng, M mượn 20.000.000 đồng, đến 07/3/2016, đáo hạn hợp đồng làm hồ sơ vay 100.000.000 đồng, M và A tự tính toán để xem như M vay 40.000.000 đồng, A vay 60.000.000 đồng.

+ Hồ sơ do Đặng Thị Ái P đứng tên vay ngày 31/12/2015 số tiền 80.000.000 đồng, A và P mỗi người 40.000.000 đồng.

+ Hồ sơ do Ngô Thị Nguyễn H1 đứng tên vay ngày 12/4/2016, số tiền 60,000,000 đồng, A và M mỗi người mượn 30.000.000 đồng.

- *Hồ sơ do A và G cùng giả mạo:*

+ Hồ sơ do Đinh Thị H đứng tên vay ngày 13/4/2015 số tiền 50.000.000 đồng, A và G mỗi người 25.000.000 đồng. A ký xác nhận giả chữ ký bà N, làm giả quyết định về việc nâng bậc lương công chức viên chức do H đứng tên. G không trực tiếp thực hiện hành vi nhưng biết và có ý thức đồng tình, mục đích chung cuối cùng là để vay được tiền.

+ Hồ sơ do Nguyễn Thị Hoài T đứng tên vay ngày 09/10/2015 Số tiền 65.000.000 đồng, G và A mỗi người mượn 30.000.000 đồng, T mượn 5.000.000 đồng. A ký xác nhận giả chữ ký bà N, G giả mạo quyết định về việc nâng bậc lương công chức viên chức.

+ Hồ sơ do Nguyễn Thị N đứng tên vay ngày 30/10/2015, số tiền 60.000.000 đồng, N mượn 15.000.000 đồng, A và G mỗi người mượn 22.500.000đ. A ký xác nhận giả chữ ký của bà N, G giả mạo quyết định về việc nâng bậc lương công chức viên chức

Tại các bản kết luận giám định số 775/C54C(Đ2) ngày 13/01/2017 và số 261/C54C(Đ2) ngày 26/4/2017 của phân viện KH học hình sự tại TP. Đà Nẵng đã kết luận: Chữ ký Phạm Thị N trong 39 bộ hồ sơ vay vốn tại các N hàng trên so với mẫu chữ ký của bà Phạm Thị N trên các mẫu tài liệu so sA (là chữ ký thật của bà Phạm Thị N) **không phải do cùng một người ký ra.**

Tại các bản kết luận giám định số 776/C54C(Đ2) ngày 03/01/2017 và số 262/C54C(Đ2) ngày 26/4/2017 của phân viện KH học hình sự tại TP. Đà Nẵng đã kết luận: Chữ ký Lê Thị Hồng G trong 08 bộ hồ sơ vay vốn tại các N hàng trên so với mẫu chữ ký của bà Lê Thị Hồng G trên các mẫu tài liệu so sA (là chữ ký thật của bà Lê Thị Hồng G) **không phải do cùng một người ký ra.**

Các bị cáo Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A Ki nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố, thống nhất về tội danh, khung hình phạt và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện trưởng mẫu giáo DT bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của các bị cáo và nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX là đúng. Sau khi phát hiện sự việc vào tháng 6/2016, bà đã gửi đơn báo cáo đến cơ quan có chức năng và cùng với các cá nhân có L quan phối hợp với N hàng đã tất toán toàn bộ các khoản nợ cho N hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan là các Ngân hàng Đông Á Phòng giao dịch DX, Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện DX, Ngân hàng Sài Gòn thương tín phòng giao dịch Nam Phước thừa nhận đến thời điểm cuối tháng 11/2018, các bị cáo và người L quan đứng tên trong các hồ sơ vay tiền giả đã tất toán toàn bộ nợ vay cho các Ngân hàng, đại diện các Ngân hàng không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị D, Trịnh Minh D1, Đặng Thị L: đối với số tiền các bà đứng tên vay trên các hồ sơ giả mà các bà cùng Ca vay với A, hiện các bà đã trả xong nợ cho N hàng. Trong đó A còn nợ bà D 25.000.000 đồng, bà D1 8.000.000 đồng, bà L 15.000.000 đồng, nhưng bà D, bà D1 và bà L không yêu cầu bị cáo A trả cho các bà số tiền nêu trên trong vụ án này.

Bà Phạm Thị Kim C yêu cầu bị cáo A phải trả cho bà số tiền A có Ca vay với bà trên hồ sơ giả vay tiền do bà đứng tên là 17.100.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 12/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm a khoản 2 Điều 359 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 359; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 phạt bị cáo G từ 15 đến 18 tháng tù, bị cáo A từ 12 đến 15 tháng tù.

Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là vì động cơ cá nhân mà giả mạo chữ ký của người có chức vụ quyền hạn để thực hiện việc giải chữ ký của hiệu trưởng và chủ tịch công đoàn trường mẫu giáo DT để làm giả hồ sơ vay tiền tại các N hàng đóng trên địa bàn huyện. Hành vi này được thực hiện từ tháng 8/2012 đến tháng 5/2016. Thời điểm này, BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đang còn hiệu lực, BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, thì hành vi của bị cáo Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A thực hiện trước ngày BLHS 2015 có hiệu lực pháp luật. Mặc dù khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 284 BLHS năm

1999 và khoản 2 Điều 359 BLHS 2015 quy định giống nhau nhưng các tình tiết định khung trong tội danh theo quy định của BLHS năm 1999 nhẹ hơn và có lợi hơn so với các tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 359 BLHS 2015 vì vậy cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 284 BLHS năm 1999 và các điều luật tương ứng để xét xử đối với các bị cáo.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Lời Khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời Khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời Khai của người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan, phù hợp với các kết luận giám định chữ ký số 775/C54C(Đ2) ngày 13/01/2017, số 261/C54C(Đ2) ngày 26/4/2017, số 776/C54C(Đ2) ngày 03/01/2017 và số 262/C54C(Đ2) ngày 26/4/2017 của phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, ý kiến Kiểm sát viên và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có căn cứ xác định:

Phạm Thị T G được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch viên chức theo Quyết định tuyển dụng số 697/QĐ-SNV ngày 01/9/2011 của Sở nội vụ tỉnh Quảng Nam: Nguyễn Thị Ngọc A là cán bộ Hợp đồng không xác định thời hạn theo hợp đồng lao động số 133/HĐ-UBND ngày 01/01/2013, giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện DX với Nguyễn Thị Ngọc A. Quá trình, thực hiện nhiệm vụ G được phân công làm nhân viên kế toán và A được nhân công làm cán bộ văn thư của trường Mẫu giáo DT. Như vậy, cả G và Anh đều có chức vụ, quyền hạn nhất định khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại trường Mẫu giáo DT theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018.

Từ tháng 8/2012 đến tháng 3/2016, Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao, G và Anh tự mình và thông đồng với nhau, sửa chữa bảng lương, lập giả danh sách nhận tiền kiêm nhiệm bán trú, kiêm nhiệm công tác đoàn, tự điền thông tin và giả chữ ký của bà Phạm Thị N là hiệu trưởng và bà Lê Thị Hồng G là chủ tịch công đoàn trường mẫu giáo DT vào các tài liệu giả và các hồ sơ vay vốn, thủ tục tín chấp đã lập; đóng dấu trường Mẫu giáo DT; thực hiện vay tiền cho cá nhân và nhiều người khác ở các Chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Sacombank và Ngân hàng Agribank tại huyện DX, tỉnh Quảng Nam với tổng số tiền vay là 1.959.000.000 đồng. Trong đó tự G thực hiện việc giả mạo đối với 14 hồ sơ vay (Ngân hàng Đông Á 05 hồ sơ, N hàng Sacombank 03 hồ sơ và Agribank 06 hồ sơ), A thực hiện việc giả mạo đối với 15 hồ sơ vay (Ngân hàng Đông Á 01 hồ sơ và Agribank 14 hồ sơ), G và A cùng thực hiện việc giả mạo đối với 10 hồ sơ vay (Ngân hàng Đông Á 03 hồ sơ, Ngân hàng Sacombank 04 hồ sơ và Agribank 03 hồ sơ).

Vì vậy hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm a, c khoản 2 Điều 284 BLHS năm 1999. Vì vậy chấp nhận một phần cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 12/01/2021 VKSND huyện DX truy tố các bị cáo về tội danh là có căn cứ, đúng pháp luật. Không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về việc áp dụng điểm a khoản 2 Điều 359 BLHS 2015.

[3] *Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:*

Hành vi của các bị cáo là lợi dụng trách nhiệm, nhiệm vụ được giao để thực hiện hành vi làm sai lệch nội dung giấy tờ tài liệu, làm giấy tờ giả và giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được mục đích vay tiền là đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội cả 02 bị cáo đều thành khẩn Ki báo, biết ăn năn hối cải; đã khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình các bị cáo có công với Nhà nước, cả hai bị cáo đều đã ly hôn chồng và đang nuôi con nhỏ, bị cáo A có con bị khuyết tật nặng, đã tự nguyện chấp hành xong hình phạt tù theo bản án số 19/2019/HSST ngày 26/6/2019 nên các bị cáo được áp dụng điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 nên được áp dụng Điều 47 BLHS xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] *Về phân hóa tội phạm:* Trong vụ án này, bị cáo G là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê và là người thực hành thực hiện các thao tác làm giả chữ ký, giả giấy tờ tài liệu của nhà trường. Bị cáo A là người thực hành tích cực nên xử bị cáo G mức án cao hơn bị cáo A.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo G và A đã tất toán các khoản vay cho các N hàng, nên các N hàng không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Các bà Nguyễn Thị D, Trịnh Minh D1, Đặng Thị L không yêu cầu bị cáo A trả lại cho các bà số tiền A Cùng vay trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Phạm Thị Kim C đã thanh toán xong khoản vay của N hàng, trong đó có số tiền 17.100.000đ của bị cáo A. Bà đề nghị bị cáo A trả lại cho bà số tiền trên. Bị cáo A thừa nhận sau làm hồ sơ cho bà C vay tiền, bị cáo vay lại 20.000.000đ, hiện tại bà C đã tất toán khoản vay trên và bị cáo còn nợ lại bà C 17.100.000đ (Mười bảy triệu một trăm ngàn đồng). Nhưng trong năm 2020, bị cáo đã nộp 9.000.000đ để trả cho bà C tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DX, hiện nay chỉ còn lại 8.100.000đ (Tám triệu một trăm ngàn đồng). Vì vậy bị cáo phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền số tiền 8.100.000đ (Tám triệu một trăm ngàn đồng)

[6] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bị cáo A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho bà C.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Thị Hương B, Nguyễn Thục M, Đặng Thị Ái P, Nguyễn Thị N, Ngô Thị Nguyễn H1, Nguyễn Thị Hoài L1, Phạm Thị Kim C, Trịnh Minh D1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Hoài T, Đặng Thị L là giáo viên của Trường mẫu giáo DT và người quen của A bị G, A lôi kéo vào việc vay tín chấp. Những người này tự mình điền thông tin vào hồ sơ vay vốn dù có nhu cầu vốn hoặc không, nhưng không tham gia cùng G và A làm giả chữ ký và các giấy tờ tài liệu. Họ vay được tiền từ hồ sơ mà G, A làm giả và đến nay đã trả xong nợ cho các N hàng. Hành vi của những người này không cấu thành tội phạm trong vụ án này nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 284; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999 xử phạt bị cáo **Phạm Thị T G** 18 (Mười tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 284; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999 xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc A** 15 (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian chấp hành hình phạt của bản án 19/2019/HSST ngày 26/6/2019 là: 12 tháng (từ ngày 17/3/2020 đến ngày 07/02/2021 và kể cả thời gian giảm án)

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 352BLDS 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền 17.100.000đ (mười bảy triệu một trăm ngàn đồng). Bị cáo đã nộp 9.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DX theo biên lai T số 00100 ngày 23/11/2020, số tiền còn lại bị cáo phải trả cho bà C là 8.100.000đ (Tám triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Các bị cáo Phạm Thị T G và Nguyễn Thị Ngọc A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo A phải chịu 405.000đ (Bốn trăm lẻ năm ngàn đồng).

Bị cáo G đã nộp 200.000đ án phí HSST theo quyết định thi hành án số 127/QĐ-CCTHADS ngày 11/12/2019 của C cục Thi hành án dân sự huyện DX nên được trừ vào số tiền 200.000 bị cáo đã nộp theo biên lai T số 0000350 ngày 13/12/2019. Bị cáo đã nộp đủ án phí.

Bị cáo A đã nộp 200.000đ án phí HSST theo quyết định thi hành án số 127/QĐ-CCTHADS ngày 11/12/2019 của C cục Thi hành án dân sự huyện DX và 1.055.000đ (Một triệu không trăm năm mươi lăm ngàn) nên được trừ vào số tiền án phí hình sự và án phí dân sự theo bản án này là 605.000đ (Sáu trăm lẻ năm ngàn đồng). Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm còn thừa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2021), những người L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKS tỉnh Quảng Nam
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện DX;
- Công an huyện DX;
- C cục THADS huyện DX ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám

